ATTICT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10478/UBND-KT V/v triển khai thực hiện Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016.	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 11 năm 2016*

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông vận tải.

UBND tỉnh nhận được Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản sao đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

ThaiTM

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Lê Sĩ Lâm

Số 02, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
TEL: (061) 3822501 - FAX: (061) 3823854 - 3824934

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016*

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN Số: 57664
Ngày: 03/11/16
Chuyển:

THÔNG TƯ

Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Phần mềm) để cập nhật, tổng hợp thông tin tài sản hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; gồm: Cục Quản lý đường bộ; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã,

thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện vận hành Phần mềm

1. Điều kiện về máy tính và khả năng kết nối Internet: Máy tính phải được cài đặt hệ điều hành Windows; được cài đặt chương trình phần mềm diệt virus, được cập nhật thường xuyên các bản nhận dạng mẫu virus mới, các bản vá lỗi an ninh cho hệ điều hành, sử dụng font chữ Unicode TCVN 6909:2001 gõ dấu tiếng Việt và phải được kết nối Internet.

2. Điều kiện của người quản trị Phần mềm là người được Bộ Tài chính cấp tài khoản và phân quyền truy cập theo đề nghị bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải; Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Điều kiện của người sử dụng Phần mềm là người được Bộ Tài chính cấp tài khoản truy cập vào Phần mềm theo đề nghị bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Trường hợp có sự thay đổi về người quản trị, người sử dụng Phần mềm thì Bộ Giao thông vận tải; Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản cho Bộ Tài chính biết, có biện pháp xử lý phù hợp.

Điều 4. Định danh mã đơn vị trong Phần mềm

1. Mã đơn vị trong Phần mềm là mã quan hệ với ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính, Sở Tài chính cấp theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước và được chuẩn hóa, chuyển đổi tương ứng đảm bảo mỗi đơn vị sử dụng một mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách để sử dụng làm mã đơn vị của Phần mềm này.

2. Trường hợp đơn vị là cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng không có mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước thì sử dụng mã số thuế để định danh và gán mã đơn vị cho phù hợp.

3. Việc định danh và gán mã đơn vị do cán bộ quản trị Phần mềm của Bộ Giao thông vận tải, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo hướng dẫn tại Tài liệu hướng dẫn sử dụng Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 5. Nhập, duyệt và chuẩn hóa số liệu vào Phần mềm

1. Thông tin số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhập vào Phần mềm phải là thông tin đã được Tổng Cục Đường bộ Việt Nam (đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý), Sở Giao thông vận tải (đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý) kiểm duyệt và xác nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 178/2013/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 178/2013/TT-BTC).

2. Thông tin nhập vào Phần mềm:

a) Thông tin báo cáo kê khai lần đầu Mẫu số 01-BC/TSHTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC và theo các mẫu Phiếu kiểm kê, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại Phụ lục 01 của Thông tư này.

b) Thông tin báo cáo kê khai bổ sung được áp dụng đối với những tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do đầu tư xây dựng mới; tiếp nhận về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, chuyển nhượng hoặc thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập, giải thể cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Báo cáo kê khai bổ sung gồm:

- Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư xây dựng mới hoặc tiếp nhận về cơ quan, đơn vị theo Mẫu số 01-BC/TSHTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC hoặc theo mẫu đính kèm tại Phụ lục 01 của Thông tư này.

- Thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý theo Mẫu số 02-BC/TSHTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC.

- Thay đổi thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Mẫu số 03-BC/TSHTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC.

- Xóa thông tin trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04-BC/TSHTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC.

3. Trình tự nhập, duyệt và chuẩn hóa số liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vào Cơ sở dữ liệu quy định như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trung ương quản lý

Căn cứ báo cáo do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản gửi tới, Tổng Cục đường bộ Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của báo cáo, thực hiện xác nhận vào báo cáo và gửi 01 bộ hồ sơ theo Mẫu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải. Chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổng Cục đường bộ Việt Nam, cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện nhập thông tin số liệu tài sản vào Phần mềm.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý

Căn cứ báo cáo do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản gửi tới, Sở Giao thông vận tải kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của báo cáo, thực hiện xác nhận vào báo cáo và gửi 01 bộ hồ sơ theo Mẫu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan về Sở Tài chính. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện nhập thông tin số liệu tài sản vào Phần mềm chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kết quả xác nhận báo cáo của Sở Giao thông vận tải và số liệu đã được nhập vào Phần mềm thực hiện đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin để duyệt đưa vào Cơ sở dữ liệu. Trường hợp có sai lệch số liệu giữa xác nhận báo cáo của Sở Giao thông vận tải và số liệu đã nhập vào Phần mềm, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối duyệt và thông báo cho Sở Giao thông vận tải để điều chỉnh lại thông tin trong Phần mềm.

Trường hợp phân cấp nhập dữ liệu cho đơn vị trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đơn vị trực tiếp quản lý công trình thực hiện nhập thông tin số liệu tài sản vào Phần mềm đồng thời gửi 02 bộ hồ sơ theo Mẫu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan về Sở Giao thông vận tải. Căn cứ báo cáo do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản gửi tới, Sở Giao thông vận tải kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của báo cáo, thực hiện xác nhận và gửi về Sở Tài chính chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đồng thời lưu 01 bộ hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải. Sở Tài chính căn cứ báo cáo kê khai ở dạng giấy của đơn vị (đã được Sở Giao thông vận tải xác nhận) thực hiện đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin để duyệt đưa vào Cơ sở dữ liệu. Trường hợp có sai lệch số liệu giữa xác nhận báo cáo của Sở Giao thông vận tải và số liệu đã nhập vào Phần mềm, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ chối duyệt và thông báo lại cho đơn vị trực tiếp quản lý công trình để điều chỉnh lại cho phù hợp.

Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm kiểm tra tình hình cập nhật số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị thuộc phạm vi địa phương quản lý, thực hiện chuẩn hóa số liệu đã nhập vào Cơ sở dữ liệu một cách đầy đủ và chính xác.

4. Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định phân cấp việc nhập dữ liệu cho đơn vị trực tiếp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhập dữ liệu vào Phần mềm, cơ quan tài chính của Bộ Giao thông vận tải, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương thực hiện duyệt số liệu. Việc phân cấp cho các đơn vị này phải được Bộ Tài chính thống nhất bằng văn bản.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý, vận hành và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện nội dung, quy trình nghiệp vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Đảm bảo yêu cầu về cấu hình máy chủ, tốc độ đường truyền Internet, các điều kiện cơ sở, vật chất khác để tổ chức thực hiện quản lý, vận hành an toàn và bảo mật Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Cấp tài khoản cho người quản trị và người sử dụng Phần mềm theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện phân quyền truy cập cho các đối tượng đã được cấp tài khoản;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và nhận xét đánh giá kết quả thực hiện việc cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

đ) Quản trị, vận hành và khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài sản nhà nước.

2. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại Trung ương, địa phương và việc cập nhật thông tin số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Thông tư này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện nội dung, quy trình nghiệp vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc quản trị, vận hành và khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Sử dụng và khai thác thông tin

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sử dụng làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Bộ Tài chính cấp tài khoản có quyền khai thác thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 8. Kinh phí đảm bảo việc quản lý, khai thác Phần mềm

1. Kinh phí cho việc xây dựng, quản lý, nâng cấp, duy trì Phần mềm được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính và các nguồn khác (nếu có).

2. Kinh phí cho việc nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mức chi cho việc nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư số 178/2013/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL(Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính; Cục QLCS;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (350)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 01-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường bao gồm cả cầu đường bộ dưới 25m và cống)

1. Tên tài sản: .....(lý trình .....)

2. Chiều dài:.....km; từ km số:..... đến km số:.....

3. Loại đường: Đường cao tốc ☐ Đường quốc lộ ☐ Đường tỉnh ☐
Đường huyện ☐ Đường xã ☐ Đường đô thị ☐

4. Cấp đường:

4.1. Đường cao tốc: Đồng bằng ☐ Trung du ☐ Miền núi ☐
4 làn xe ☐ 6 làn xe ☐

4.2. Đường quốc lộ: Đồng bằng ☐ Trung du ☐ Miền núi ☐
Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐ Cấp V ☐ Cấp VI ☐

4.3 Đường tỉnh: Đồng bằng ☐ Trung du ☐ Miền núi ☐
Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐ Cấp V ☐ Cấp VI ☐

4.4 Đường huyện: Đồng bằng ☐ Trung du ☐ Miền núi ☐
Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐ Cấp V ☐ Cấp VI ☐

4.5 Đường xã: Đồng bằng ☐ Trung du ☐ Miền núi ☐

Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐ Cấp V ☐ Cấp VI ☐

4.6 Đường đô thị: Đường phố chính ☐ Đường phố gom ☐ Đường phố nội bộ ☐

Đô thị đặc biệt ☐ Đô thị loại I ☐ Đô thị loại II ☐

Đô thị loại III ☐ Đô thị loại IV ☐ Đô thị loại V ☐

5. Tài sản giao ủy thác:

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

7. Giá trị tài sản: *(bằng số:..... .....)*

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 02-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Cầu đường bộ dài từ 25m trở lên và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; lý trình:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại cầu:

3.1.Chiều dài nhịp ≤ 15m:

- Cầu bản mố nhẹ, móng nông ☐
- Cầu dầm T bê tông cốt thép thường, móng nông ☐
- Cầu dầm T bê tông cốt thép thường, móng cọc bê tông cốt thép ☐
- Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng nông ☐
- Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cộc bê tông cốt thép ☐

3.2.Chiều dài nhịp >15m:

- Cầu dầm I, T, Super T bê tông cốt thép dự ứng lực, móng nông ☐
- Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng nông ☐
- Cầu dầm I, T, Super T bê thông cốt thép dự ứng lực, móng cộc bê tông cốt thép ☐

- Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép ☐
- Cầu dầm hợp bê tông cốt thép dư ứng lực ☐
- Cầu vượt qua đường dành cho người đi bộ ☐

4. Diện tích cầu:.....m^2

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

*7. **Giá trị tài sản:**(bằng số:..... .....).*

(Bằng chữ:.....).

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 03-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Cầu thép và cầu thép-bê tông phức hợp)

1. Tên tài sản: .....; lý trình:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Phân loại cầu:

- Vật liệu kết cấu nhịp:

Cầu thép ☐ *Cầu thép - bê tông phức hợp* ☐

- Dạng kết cấu nhịp:

+ Cầu dầm (dầm I, dầm T, dầm T ngược, dầm hộp, khung) ☐
+ Cầu bản (bản đặc, bản rỗng) ☐
+ Cầu dàn (cầu chạy trên, cầu chạy giữa, cầu chạy dưới) ☐
+ Cầu vòm (vòm thép, vòm thép nhồi bê tông) ☐
+ Cầu dây treo (cầu treo, cầu dây văng, cầu dây văng – treo) ☐

- Chiều dài nhịp (L):

+ 6m < *L* ≤ *20m* ☐

+ 20m $< L \leq 60m$ ☐

+ L > 60m ☐

4. Diện tích cầu:.....m^2

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

7. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....).

(Bằng chữ:.....).

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 04-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Hầm đường bộ và các công trình gắn liền với hầm đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; lý trình:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại hầm:

3.1. Hầm đường ô tô:

Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐

3.2. Hầm dành cho người đi bộ:

Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐ Cấp IV ☐

4. Diện tích đường thuộc hầm:.....m^2

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

7. Giá trị tài sản:*(bằng số:..... .....).*
(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 05-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là bến phà đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với bến phà đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; lý trình:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Cấp bến phà:

Cấp I ☐ Cấp II ☐ Cấp III ☐
Cấp IV ☐ Cấp V ☐ Cấp VI ☐

4. Diện tích bến phà:.....m^2

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

7. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....).

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 06-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Bến xe đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại bến xe:

Loại 1 ☐ Loại 2 ☐ Loại 3 ☐
Loại 4 ☐ Loại 5 ☐ Loại 6 ☐

4. Diện tích bến xe:.....m^2

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

7. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....).

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 07-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Bãi đỗ xe đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại bãi đỗ xe:

Loại 1 ☐ Loại 2 ☐ Loại 3 ☐ Loại 4 ☐

4.Diện tích bãi đỗ xe:.....m^2

5.Ngày đưa vào sử dụng:

☐ Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau

6. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....)

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 08-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Trạm dừng nghỉ đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại trạm dừng nghỉ:

Loại 1 ☐ Loại 2 ☐ Loại 3 ☐ Loại 4 ☐

4.Diện tích trạm dừng nghỉ:.....m^2

5.Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

6. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....)

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 09-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Trạm kiểm tra tải trọng xe đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Cấp quy mô trạm

- *Quy mô đơn giản (lưu lượng dưới 300 xe/ngày đêm)* ☐
- *Quy mô vừa (lưu lượng từ 300 đến dưới 500 xe/ngày đêm)* ☐
- *Quy mô lớn (lưu lượng từ 500 đến dưới 2.200 xe/ngày đêm)* ☐
- *Quy mô rất lớn (lưu lượng từ 2.200 xe trở lên/ngày đêm)* ☐

4.Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....)

(Bằng chữ:.....)

Ngày ……tháng ……năm ……..
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 10-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Trạm thu phí đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; lý trình:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Loại trạm thu phí:

- Loại tự động (xe qua trạm không dừng) ☐

- Loại bán tự động (xe dừng 01 lần khi qua trạm) ☐

- Thu công (xe dừng 02 lần trở lên khi qua trạm) ☐

4. Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

5. Giá trị tài sản:*(bằng số:..... .....)*

(Bằng chữ:.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 11-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản là Nhà hạt quản lý đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Cấp nhà hạt:

Cấp III ☐ *Cấp IV* ☐

4.Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Diện tích sàn xây dựng:.....m^2

7. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....)

(Bằng chữ.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, Tỉnh:.....
Cơ quan quản lý cấp trên: .....
Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản:.....
Mã cơ quan, đơn vị: .....
Loại hình cơ quan, đơn vị: .....

Mẫu số 12-KK/TSHTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI TÀI SẢN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(áp dụng cho loại tài sản khác phục vụ giao thông đường bộ)

1. Tên tài sản: .....; địa chỉ:.....

2. Thuộc tuyến đường: .....

3. Diện tích/quy mô: m2

4.Ngày đưa vào sử dụng:

Trước ngày 01/3/2013 ☐ Từ ngày 01/3/2013 trở về sau ☐

5. Tài sản giao ủy thác: ☐

Đơn vị nhận ủy thác:.....

6. Giá trị tài sản:(bằng số:..... .....)

(Bằng chữ.....)

Ngày .....tháng .....năm .....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)